VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2024*

THÔNG TƯ
Quy định quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình) được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý, thực hiện Chương trình và tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm quốc gia là các sản phẩm thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển của nhà nước, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Mục II Điều 1 Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia gồm đề tài khoa học và công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ sản xuất, phát triển các sản phẩm quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia là văn bản thể hiện thông tin chung về mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ chủ yếu, sản phẩm dự kiến và danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để phát triển sản phẩm quốc gia. Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia viết tắt là: Đề án khung.

4. Ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập, có nhiệm vụ tư vấn triển khai các hoạt động của Chương trình. Ban Chủ nhiệm chương trình phát triển sản phẩm quốc gia viết tắt là: Ban Chủ nhiệm Chương trình.

5. Đơn vị quản lý Chương trình gồm đơn vị quản lý chuyên môn và đơn vị quản lý kinh phí. Đơn vị quản lý chuyên môn là đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ giao quản lý về chuyên môn để tổ chức triển khai Chương trình. Đơn vị quản lý kinh phí là đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ giao quản lý việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và thực hiện hoạt động phục vụ quản lý nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

6. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia là tổ chức, doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia viết tắt là: tổ chức chủ trì.

7. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia là cá nhân được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia viết tắt là: chủ nhiệm nhiệm vụ.

8. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực là bộ được Chính phủ giao trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực của sản phẩm quốc gia.

9. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương viết tắt là: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình

Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình: SPQG.XX.ĐT(hoặc DA).YY/ZZ. Trong đó:

1. SPQG là ký hiệu chung của Chương trình;

2. XX là ký hiệu gồm 02 chữ số ghi thứ tự của sản phẩm quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

3. ĐT là ký hiệu đề tài khoa học và công nghệ; hoặc DA là ký hiệu dự án sản xuất thử nghiêm;

4. YY là ký hiệu gồm 02 chữ số ghi số thứ tự của đề tài hoặc dự án sản xuất thử nghiệm theo từng sản phẩm quốc gia;

5. ZZ là ký hiệu gồm 02 chữ số biểu thị năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

Điều 5. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 Mục II Điều 1 Quyết định số 157/QĐ-TTg và các chính sách ưu đãi khác theo quy định pháp luật, đề xuất nội dung ưu đãi hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia gửi cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt ưu đãi, hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia thực hiện theo quy định pháp luật tương ứng với từng hình thức hỗ trợ.

Điều 6. Tổ chức quản lý Chương trình

1. Tổ chức quản lý Chương trình thực hiện theo quy định tại Mục IV Điều 1 Quyết định số 157/QĐ-TTg.

2. Chương trình đặt dưới sự chỉ đạo và điều phối của Ban Chỉ đạo Chương trình do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình.

Điều 7. Xác định Danh mục sản phẩm quốc gia

1. Sản phẩm quốc gia được lựa chọn phát triển đáp ứng các quy định tại khoản 1 Mục II Điều 1 Quyết định số 157/QĐ-TTg.

2. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định lựa chọn sản phẩm quốc gia xây dựng Phiếu đề xuất sản phẩm quốc gia theo quy định tại Mẫu A1-ĐX-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, xem xét, đánh giá các đề xuất sản phẩm quốc gia từ bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với các sản phẩm quốc gia ưu tiên phát triển theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Trên cơ sở đề xuất của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, xem xét, đánh giá, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm quốc gia.

5. Đối với các sản phẩm quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 có nhu cầu tiếp tục hỗ trợ để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030, bộ

quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình thực tế tổng hợp nhu cầu, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chương II
XÂY DỰNG ĐỀ ÁN KHUNG VÀ XÁC ĐỊNH DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG

Điều 8. Xây dựng Đề án khung và xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo kêu gọi đề xuất và thời hạn nhận Phiếu đề xuất triển khai sản phẩm quốc gia.

2. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, tổng hợp đề xuất từ các tổ chức, cá nhân (nếu có), xây dựng Phiếu đề xuất triển khai sản phẩm quốc gia theo quy định tại Mẫu A2-ĐXTK-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan và các chuyên gia (trong trường hợp cần thiết) tổng hợp nội dung đề xuất, xây dựng Thuyết minh Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia theo quy định tại Mẫu A3-TMĐAK-SPQG và dự thảo Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia kèm danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo quy định tại Mẫu A4-ĐAK-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xét duyệt Đề án khung, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư này. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án khung và danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo quy định tại Mẫu A8-QĐ-ĐAK-DMNV-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này sau khi có ý kiến bằng văn bản của bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan.

5. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia đặt hàng trong năm kế hoạch trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

Căn cứ thời gian thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia được phê duyệt danh mục và tình hình thực tế, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia đặt hàng trong những năm kế hoạch tiếp theo trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

Trình tự, thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư này.

6. Căn cứ tình hình thực tế, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung Đề án khung và danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

Trình tự, thủ tục điều chỉnh, bổ sung thực hiện như đối với trình tự, thủ tục phê duyệt quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này.

Điều 9. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn xét duyệt Đề án khung và xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ xét duyệt Đề án khung và xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung (sau đây viết tắt là Hội đồng).

a) Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xét duyệt Đề án khung và xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung;

b) Hội đồng có từ 09 đến 11 thành viên là các ủy viên, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên là các chuyên gia khoa học thuộc cơ sở dữ liệu

chuyên gia khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, các cán bộ quản lý, chuyên gia kinh tế, đại diện doanh nghiệp, trong đó tối đa 60% tổng số thành viên là các chuyên gia khoa học. Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung phân công 02 thành viên làm ủy viên phản biện;

c) Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Đơn vị quản lý Chương trình có trách nhiệm tổ chức các phiên họp Hội đồng.

2. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự trong đó có 02 ủy viên phản biện. Hội đồng làm việc theo điều hành của Chủ tịch Hội đồng. Nếu Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp.

3. Đại diện Ban Chủ nhiệm Chương trình, đại diện bộ quản lý ngành, lĩnh vực và đại diện các đơn vị liên quan được mời tham dự các phiên họp của Hội đồng.

4. Tài liệu phục vụ Hội đồng gửi đến các thành viên Hội đồng trong thời gian ít nhất 05 ngày làm việc, trước thời điểm tiến hành phiên họp. Tài liệu gồm:

a) Quyết định thành lập Hội đồng;

b) Thuyết minh Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia theo quy định tại Mẫu A3-TMĐAK-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Dự thảo Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia kèm theo danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo quy định tại Mẫu A4-ĐAK-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Phiếu đề xuất triển khai sản phẩm quốc gia theo quy định tại Mẫu A2-ĐXTK-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Mẫu Phiếu nhận xét và đánh giá Đề án khung theo quy định tại Mẫu A5-PNXĐG-ĐAK-SPQG, mẫu Phiếu nhận xét nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo quy định tại Mẫu A6-PNX-NV-

SPQG, mẫu Phiếu đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo quy định tại Mẫu A7-PĐG-NV-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Tài liệu khác liên quan (nếu có).

5. Bộ Khoa học và Công nghệ cử 02 thư ký hành chính giúp chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng.

6. Hội đồng làm việc theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 10 Thông tư này.

7. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng và ý kiến bằng văn bản của bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án khung và danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung đối với từng sản phẩm quốc gia theo quy định tại Mẫu A8-QĐ-ĐAK-DMNV-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trong nước hoặc nước ngoài hoặc thành lập Hội đồng khác để xét duyệt Đề án khung và xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

Điều 10. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng.

2. Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng.

3. Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) điều hành phiên họp của Hội đồng.

4. Hội đồng cử một thành viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và ghi biên bản các phiên họp của Hội đồng.

5. Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng trình bày nhận xét, đánh giá Đề án khung và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung; Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét và đánh giá của các thành viên Hội đồng vắng mặt (nếu có).

6. Hội đồng thảo luận, phân tích tính phù hợp về tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu, sản phẩm dự kiến, tính khả thi, hiệu quả của Đề án khung; sự cần thiết, tính

phù hợp về tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu, sản phẩm dự kiến của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung, tham khảo ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp.

7. Các thành viên Hội đồng nhận xét và đánh giá Đề án khung theo quy định tại Mẫu A5-PNXĐG-ĐAK-SPQG, nhận xét các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo quy định tại Mẫu A6-PNX-NV-SPQG, đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo quy định tại Mẫu A7-PĐG-NV-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên trong đó có trưởng ban và 02 ủy viên. Kết quả kiểm phiếu nhận xét và đánh giá Đề án khung tổng hợp theo quy định tại Mẫu A9-BBKP-ĐAK-SPQG, kết quả kiểm phiếu đánh giá các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung tổng hợp theo quy định tại Mẫu A10-BBKP-NV-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Hội đồng thông báo kết quả kiểm phiếu đánh giá

a) Đề án khung được thông qua khi có trên 3/4 tổng số thành viên Hội đồng tham dự họp bỏ phiếu đánh dấu vào ô đáp ứng yêu cầu.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung được Hội đồng đề nghị thực hiện khi có trên 3/4 tổng số thành viên Hội đồng tham dự họp bỏ phiếu đánh dấu vào ô đề nghị thực hiện.

c) Phiếu nhận xét và đánh giá của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

10. Thư ký khoa học ghi Biên bản làm việc của Hội đồng theo quy định tại Mẫu A11-BBHĐ-SPQG và tổng hợp kiến nghị của Hội đồng về Đề án khung kèm theo danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo quy định tại Mẫu A12-ĐAK-HĐ-SPQG ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Hội đồng thống nhất kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung được đề nghị thực hiện.

Chương III
XÉT DUYỆT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG

Điều 11. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia phải đáp ứng các điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN).

Điều 12. Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

1. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

2. Đại diện Ban Chủ nhiệm Chương trình, đại diện bộ quản lý ngành, lĩnh vực và đại diện các đơn vị liên quan (trong trường hợp cần thiết) được mời tham dự các phiên họp của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định kinh phí.

Chương IV
HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

Điều 13. Nội dung hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, đơn vị quản lý

Chương trình và tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia soạn thảo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia.

2. Nội dung hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và Thông tư số 04/2023/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

Điều 14. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

1. Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho đơn vị quản lý kinh phí ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia với tổ chức chủ trì.

2. Việc ký hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi có quyết định phê duyệt nhiệm vụ. Tiến độ triển khai các nội dung công việc sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia phải phù hợp với thời điểm được giao kinh phí.

3. Trên cơ sở đề xuất của tổ chức chủ trì về nhu cầu triển khai các nội dung công việc sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, đơn vị quản lý kinh phí xem xét, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia với tổ chức chủ trì.

Điều 15. Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

1. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia trên cơ sở hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã ký kết.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Đại diện Ban Chủ nhiệm Chương trình, đại diện bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các đơn vị liên quan (trong trường hợp cần thiết) được mời tham dự quá trình kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng.

Điều 16. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia trên cơ sở hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Đại diện Ban Chủ nhiệm Chương trình, đại diện bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các đơn vị liên quan (trong trường hợp cần thiết) được mời tham dự phiên họp đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia.

Điều 17. Thanh lý hợp đồng

Đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp ký hợp đồng tiến hành thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia theo quy định.

Điều 18. Quản lý tài sản hình thành, kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

1. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý tài sản hình thành, quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm

quốc gia theo quy định pháp luật. Quyền sở hữu, quyền tác giả, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thực hiện theo quy định pháp luật về khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ và quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện đăng ký, giao nộp, báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương V
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 19. Trách nhiệm của Ban Chủ nhiệm Chương trình

1. Tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trong quản lý và triển khai thực hiện Chương trình.

2. Phối hợp với đơn vị quản lý Chương trình thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Phối hợp với đơn vị quản lý Chương trình xây dựng dự thảo báo cáo và lập hồ sơ Danh mục sản phẩm quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý Chương trình xây dựng Thuyết minh Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia, dự thảo Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia và danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo phân công của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Tham dự và có ý kiến về chuyên môn trong các cuộc họp xét duyệt Đề án khung và xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung; xét duyệt, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia; kiểm tra, đánh giá; đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia và các cuộc họp khác khi được mời tham dự.

6. Phối hợp với đơn vị quản lý Chương trình tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình triển khai, kết quả thực hiện Chương trình.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định tại Quyết định số 939/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

Điều 20. Trách nhiệm của đơn vị quản lý Chương trình

1. Đầu mối, giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chương trình theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 157/QĐ-TTg.

2. Chủ trì tổng hợp, rà soát, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia.

3. Chủ trì, phối hợp Ban Chủ nhiệm Chương trình và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia theo quy định.

4. Tổng hợp, báo cáo tình hình huy động, sử dụng kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí khác để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia.

5. Xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất, tổng kết về kết quả thực hiện hằng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia và các nội dung khác được giao chủ trì thực hiện.

2. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia với Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Thông tư này.

3. Chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia theo hợp đồng đã ký.

4. Quản lý kinh phí được cấp, huy động đủ và cấp đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công

nghệ phát triển sản phẩm quốc gia; tổ chức đấu thầu, mua sắm và quản lý máy móc, trang thiết bị của nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia theo quy định pháp luật.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất (theo yêu cầu của cơ quan quản lý) về tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc kiểm tra, thanh tra đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia.

6. Thực hiện việc công bố, giao nộp, báo cáo ứng dụng, quản lý tài sản hình thành, tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả, xử lý tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia theo quy định pháp luật.

7. Đề xuất phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia.

8. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện quản lý kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia theo quy định pháp luật.

9. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia theo hợp đồng.

10. Tuân thủ các quy định tại Thông tư này và pháp luật liên quan.

Điều 22. Quản lý tài chính thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định tài chính đặc thù do Bộ Tài chính ban hành.

2. Mục chi, nội dung và định mức chi cho phiên họp Hội đồng tư vấn xét duyệt Đề án khung áp dụng theo quy định đối với phiên họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hiện hành.

3. Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó.

Điều 23. Xử lý tài sản hình thành thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

Quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hình thành thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 24. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia đặc biệt

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia đặc biệt là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt cấp quốc gia phát triển sản phẩm quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực được giao chủ trì thực hiện xây dựng và phê duyệt đề án khung, xét duyệt, thẩm định và tổ chức triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình, định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

2. Chủ trì, phối hợp các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bổ sung Danh mục sản phẩm quốc gia, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức phê duyệt Đề án khung, phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

4. Tổng hợp dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính cân đối, bố trí vào kế hoạch hằng năm.

5. Chịu trách nhiệm thẩm tra trình tự, thủ tục thực hiện việc xây dựng, phê duyệt Đề án khung, xét duyệt, thẩm định và phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia đặc biệt thuộc Đề án khung do các bộ quản lý ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ phân công thực hiện theo quy định.

6. Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy mạnh công tác truyền thông về nội dung, kết quả, sản phẩm của Chương trình; thu hút sự quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đối với hoạt động của Chương trình.

7. Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện Chương trình theo quy định pháp luật về quản lý nhiệm vụ và tài chính đối với Chương trình.

8. Chủ trì, phối hợp với bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý Chương trình phù hợp với thực tiễn triển khai (trong trường hợp cần thiết).

9. Tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025 và tổng kết Chương trình vào năm 2030.

Điều 26. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực

1. Nghiên cứu, đề xuất Danh mục sản phẩm quốc gia gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổng hợp, đề xuất triển khai sản phẩm quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng Đề án khung, xét duyệt Đề án khung, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia.

4. Có ý kiến bằng văn bản về Đề án khung đối với các sản phẩm quốc gia thuộc phạm vi quản lý.

Điều 27. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Nghiên cứu, đề xuất Danh mục sản phẩm quốc gia gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổng hợp, đề xuất triển khai sản phẩm quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gửi Bộ Khoa học và Công nghệ. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng Đề án khung, xét duyệt Đề án khung, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia.

3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan triển khai các hoạt động của Chương trình trên địa bàn quản lý.

Điều 28. Triển khai thực hiện Chương trình trong điều kiện gặp khó khăn về thiên tai, dịch bệnh kéo dài

Trường hợp khách quan, các phiên họp của Hội đồng và Tổ thẩm định kinh phí và hội nghị, hội thảo triển khai thực hiện Chương trình diễn ra trong thời gian, địa điểm có thiên tai, dịch bệnh kéo dài, có thể tổ chức phiên họp theo phương thức trực tuyến hoặc ứng dụng công nghệ thông tin nhưng phải bảo đảm tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này nếu được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 đã phê duyệt kinh phí

trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

2. Đối với các nội dung đã được bộ chủ quản phê duyệt trong Đề án khung thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 chưa được triển khai, các bộ chủ quản xây dựng đề xuất triển khai theo Mẫu A2-ĐXTK-SPQG, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và triển khai theo quy định tại Thông tư này.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Hồng Thái

Phụ lục

DANH MỤC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BKHCN ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. **Mẫu A1-ĐX-SPQG**: Phiếu đề xuất sản phẩm quốc gia.

2. **Mẫu A2-ĐXTK-SPQG**: Phiếu đề xuất triển khai sản phẩm quốc gia.

3. **Mẫu A3-TMĐAK-SPQG**: Thuyết minh Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia.

4. **Mẫu A4-ĐAK-SPQG**: Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia.

5. **Mẫu A5-PNXĐG-ĐAK-SPQG**: Phiếu nhận xét và đánh giá Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia.

6. **Mẫu A6-PNX-NV-SPQG**: Phiếu nhận xét nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

7. **Mẫu A7-PĐG-NV-SPQG**: Phiếu đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

8. **Mẫu A8-QĐ-ĐAK-DMNV-SPQG**: Quyết định phê duyệt Đề án khung và danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

9. **Mẫu A9-BBKP-ĐAK-SPQG**: Biên bản kiểm phiếu nhận xét và đánh giá Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia.

10. **Mẫu A10-BBKP-NV-SPQG**: Biên bản kiểm phiếu đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

11. **Mẫu A11-BBHĐ-SPQG**: Biên bản họp Hội đồng.

12. **Mẫu A12-ĐAK-HĐ-SPQG**: Tổng hợp kiến nghị của Hội đồng.

Mẫu A1-ĐX-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

Bộ/Ủy ban nhân dân tỉnh *(ghi rõ tên bộ, UBND tỉnh)*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

PHIẾU ĐỀ XUẤT SẢN PHẨM QUỐC GIA
(Dành cho bộ, UBND tỉnh)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Sản phẩm dự kiến:

2. Thuộc Chương trình: Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

3. Thời gian thực hiện: *(ghi rõ thời gian bắt đầu - kết thúc)*

4. Giải trình về tính cấp thiết: *(giải trình tính cấp thiết phát triển sản phẩm quốc gia theo quy định tại khoản 1 Mục II Điều 1 của Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ)*

5. Phạm vi, đối tượng của đề án: *(ghi rõ phạm vi triển khai, đối tượng cụ thể)*

II. TỔNG QUAN

1. Đánh giá hiện trạng về nghiên cứu, sản xuất sản phẩm:

1.1. Tình hình ngoài nước:

- Tình hình nghiên cứu và phát triển công nghệ, đầu tư sản xuất *(nêu khái quát thông tin về tình hình sản xuất và trình độ công nghệ sản xuất đối với sản phẩm...)*

- Tình hình thị trường và dự báo khả năng thị trường ở nước ngoài *(thị trường hiện tại và nhu cầu của dự kiến...)*

1.2. Tình hình trong nước:

- Tình hình sản xuất sản phẩm ở trong nước *(quy mô sản xuất, tổng giá trị doanh thu của sản phẩm...)*

- Tình hình thị trường và dự báo khả năng thị trường ở trong nước *(tình hình thị trường hiện tại và dự kiến tổng doanh thu của sản phẩm...)*

- Tình hình nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm ở trong nước *(nêu khái quát các các công trình nghiên cứu mới nhất, nêu rõ quan điểm về tính cấp thiết đối với phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm quốc gia...)*

2. Định hướng phát triển sản xuất sản phẩm:

- Xu hướng phát triển sản phẩm trên thế giới;

- Định hướng về kế hoạch nghiên cứu, đầu tư sản xuất đối với sản phẩm quốc gia trong nước.

3. Định hướng mục tiêu:

- Mục tiêu về khoa học và công nghệ: *(tạo ra được các công nghệ cụ thể nào, so sánh trình độ với khu vực ASEAN, thế giới...)*

- Mục tiêu kinh tế - xã hội: *(tạo được ngành nghề mới, sản phẩm mới nào, đóng góp phát triển kinh tế đối với ngành, lĩnh vực...)*

4. Nội dung thực hiện chủ yếu: (*nêu tóm tắt nội dung tổng quát cần thực hiện của các giai đoạn nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thương mại hoá sản phẩm; các công nghệ chủ yếu cần giải quyết, quy mô triển khai, sự hợp tác giữa các đơn vị sản xuất, nghiên cứu trong và ngoài nước... để giải quyết mục tiêu đặt ra).*

4.1. Nội dung nghiên cứu và phát triển sản phẩm quốc gia: (*nêu các nội dung cần nghiên cứu và phát triển công nghệ chủ yếu để phát triển sản phẩm quốc gia thành hàng hóa)*

- Nội dung 1.....

- Nội dung 2.....

- Nội dung.....

4.2. Nội dung hoàn thiện công nghệ, đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia: *(nêu các nội dung nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm, đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia thành hàng hóa)*

- Nội dung 1.....

- Nội dung 2.....

- Nội dung.....

4.3. Nội dung hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển công nghệ: *(nêu các nội dung hoàn thiện nâng cao năng lực cơ sở thí nghiệm, đo lường để hỗ trợ nghiên cứu phát triển sản phẩm, sản xuất, giám sát, kiểm tra chất lượng hàng hóa sản phẩm quốc gia)*

4.4. Nội dung thương mại hóa sản phẩm và phát triển thị trường các sản phẩm quốc gia: *(nêu các nội dung về tổ chức xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại, mở rộng và phát triển các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa sản phẩm quốc gia)*

- Nội dung 1.....

- Nội dung 2.....

- Nội dung.....

4.5. Các nội dung khác: (*nêu các nội dung khác với các chỉ tiêu lượng hóa được; dự kiến trách nhiệm thực hiện của tổ chức, cá nhân; tiến độ và dự kiến kinh phí thực hiện)*

5. Dự kiến sản phẩm thương mại hóa: *(nêu các sản phẩm có thể thương mại hóa với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật dự kiến, so sánh với sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực ASEAN và thế giới)*

6. Giải trình khả năng đáp ứng từng yêu cầu của sản phẩm quốc gia: *(bám sát các yêu cầu, quy định tại Quyết định số 157/QĐ-TTg)*

7. Khả năng và địa chỉ áp dụng: *(ở đâu, quy mô, các căn cứ để triển khai...)*

8. Dự kiến kinh phí thực hiện: *(triệu đồng)*

Tổng kinh phí:

Trong đó:

- Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước:

- Kinh phí từ nguồn hợp pháp khác:

9. Hiệu quả tác động chung:

9.1. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(nêu tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh, khả năng công nhận, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...)*

9.2. Hiệu quả về kinh tế: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do dự án đem lại gồm: làm lợi do thay thế nhập khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hóa, thuê chuyên gia... so với hiện tại, dự kiến tỷ suất lợi nhuận, tổng doanh thu của sản phẩm...)*

9.3. Hiệu quả về xã hội: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do việc phát triển sản phẩm đem lại gồm tạo lập được doanh nghiệp, vùng nguyên liệu tập trung, khu chế biến, việc làm, phát huy được lợi thế tài nguyên...)*

9.4. Hiệu quả về bảo vệ môi trường: *(phân tích tác động chính của sản phẩm đối với môi trường, phát triển bền vững...)*

....., ngày... tháng... năm 20...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐỀ XUẤT

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Mẫu A2-ĐXTK-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

Bộ/Ủy ban nhân dân tỉnh *(ghi rõ tên bộ, UBND tỉnh)*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

PHIẾU ĐỀ XUẤT TRIỂN KHAI SẢN PHẨM QUỐC GIA[1]

1. Tên Sản phẩm: *"Theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt"*

2. Thuộc Chương trình: Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030

3. Dự kiến tổ chức chủ trì, tổ chức phối hợp:

- Tổ chức chủ trì:

- Tổ chức phối hợp: (*ghi rõ tên Tổ chức phối hợp trong và ngoài nước)*:

4. Thời gian thực hiện: *(ghi rõ thời gian bắt đầu - kết thúc)*

5. Định hướng mục tiêu:

- Mục tiêu về khoa học và công nghệ: *(tạo ra được các công nghệ cụ thể nào? so sánh trình độ với khu vực ASEAN, thế giới...)*

- Mục tiêu kinh tế - xã hội: *(tạo được ngành nghề mới, sản phẩm mới nào? đóng góp phát triển kinh tế đối với ngành, lĩnh vực...)*

6. Nội dung thực hiện chủ yếu: (*nêu tóm tắt nội dung cần thực hiện của các giai đoạn nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản xuất, thương mại hóa sản phẩm đảm bảo tính kế thừa, liên kết; các công nghệ chủ yếu cần giải quyết, quy mô triển khai, sự hợp tác giữa các đơn vị sản xuất, nghiên cứu trong và ngoài nước... để giải quyết mục tiêu đặt ra phù hợp với năng lực, định hướng phát triển của Tổ chức chủ trì)*

7. Dự kiến sản phẩm và yêu cầu đối với sản phẩm: *(nêu các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật dự kiến của sản phẩm, so sánh với sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực ASEAN và thế giới)*

8. Khả năng và địa chỉ áp dụng: *(ở đâu, quy mô triển khai, các căn cứ để triển khai...)*

---

[1] *Phiếu này trình bày không quá 20 trang giấy khổ A4*

9. Dự kiến kinh phí thực hiện: *(triệu đồng)*

9.1. Tổng kinh phí:

Trong đó:

- Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước:

- Kinh phí từ nguồn hợp pháp khác:

9.2. Dự kiến kinh phí cho từng nội dung:

TT	Tên nội dung	Tổ chức chủ trì dự kiến	Thời gian thực hiện *(Bắt đầu - Kết thúc)*	Kinh phí *(triệu đồng)*			Ghi chú
				Tổng	NSNN	Nguồn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
I.	**Nghiên cứu và phát triển sản phẩm quốc gia**						
	- Đề tài 1:...						
	- Đề tài 2:...						
	...						
II.	**Hoàn thiện công nghệ, đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia**						
	- Dự án SXTN 1:...						
	- Dự án SXTN 2:...						
	...						
III.	**Hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực phát triển công nghệ**						
	- Nội dung 1:...						

TT	Tên nội dung	Tổ chức chủ trì dự kiến	Thời gian thực hiện *(Bắt đầu - Kết thúc)*	Kinh phí *(triệu đồng)*			Ghi chú
				Tổng	NSNN	Nguồn khác	
	- Nội dung 2:...						
	...						
IV.	**Thương mại hóa sản phẩm và phát triển thị trường các sản phẩm quốc gia**						
	- Nội dung 1:...						
	- Nội dung 2:...						
	...						
V.	**Nội dung khác**						
	...						

10. Hiệu quả tác động chung:

10.1. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(nêu tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh, khả năng công nhận, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...)*

10.2. Hiệu quả về kinh tế: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do dự án đem lại gồm: làm lợi do thay thế nhập khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hóa, thuê chuyên gia...so với hiện tại, dự kiến tỷ suất lợi nhuận, tổng doanh thu của sản phẩm...)*

10.3. Hiệu quả về xã hội: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do việc phát triển sản phẩm đem lại gồm tạo lập được doanh nghiệp, vùng nguyên liệu tập trung, khu chế biến, việc làm, phát huy được lợi thế tài nguyên...)*

10.4. Hiệu quả về bảo vệ môi trường: *(phân tích tác động chính của sản phẩm đối với môi trường, phát triển bền vững...)*

11. Đề xuất kiến nghị hỗ trợ: *(nêu chi tiết cơ chế và chính sách cần thiết hỗ trợ giai đoạn từ nghiên cứu đến thương mại hoá sản phẩm, gồm: hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, đào tạo, trang bị thí nghiệm, vốn đầu tư, chính sách thuế, đất đai, xúc tiến thương mại...)*

12. Đề xuất danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung (đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm) để phát triển sản phẩm quốc gia: *(các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia đảm bảo tính kế thừa, liên kết với nhau tạo ra hàng hóa từ sản phẩm quốc gia, mỗi nhiệm vụ đề xuất gửi kèm Mẫu A1-ĐXNV hoặc A2-ĐXNV ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu)

PHỤ LỤC

(Kèm theo Phiếu đề xuất triển khai sản phẩm quốc gia)

I. Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung chính	Sản phẩm và các chỉ tiêu KT - KT chính	Thời gian dự kiến thực hiện		Ghi chú
					Năm bắt đầu	Năm kết thúc	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
I	**Đề tài**						
1							
2							
...							
II	**Dự án SXTN**						
1							
2							
...							

II. Dự kiến kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

STT	Tên nhiệm vụ	Tổ chức đề xuất	Dự kiến kinh phí thực hiện *(triệu đồng)*			Ghi chú
			Tổng kinh phí	NSNN	Nguồn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*12*
I	**Đề tài**					
1						
2						
...						

STT	Tên nhiệm vụ	Tổ chức đề xuất	Dự kiến kinh phí thực hiện *(triệu đồng)*			Ghi chú
			Tổng kinh phí	NSNN	Nguồn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*12*
II	**Dự án SXTN**					
1						
2						
...						
	Tổng cộng					

Mẫu A3-TMĐAK-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

THUYẾT MINH ĐỀ ÁN KHUNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA[1]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Sản phẩm: *"Theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt"*

2. Thuộc Chương trình: Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030

3. Phạm vi, đối tượng của đề án: *(ghi rõ phạm vi triển khai, đối tượng cụ thể)*

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN KHUNG

1. Mục tiêu tổng quát *(về khoa học và công nghệ, về kinh tế, xã hội, môi trường cần đạt của đề án; triển vọng phát triển và đóng góp cho nền kinh tế....)*

2. Mục tiêu cụ thể *(nêu rõ các chỉ tiêu cần đạt của đề án về khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội và môi trường)*

2.1. Mục tiêu về khoa học và công nghệ:

- Mục tiêu về những công nghệ mới, công nghệ cao được tiếp thu, làm chủ hoặc tạo mới và trình độ đạt được so với khu vực và quốc tế...

- Mục tiêu về đăng ký, công nhận bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...

- Mục tiêu về khả năng nâng cao trình độ của sản phẩm...

- Mục tiêu về đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ tư vấn có liên quan đến sản phẩm quốc gia...

- Các mục tiêu khác....

2.2. Mục tiêu kinh tế - xã hội

- Mục tiêu về tạo ngành nghề mới, sản phẩm mới, về hình thành phát triển tổ chức, doanh nghiệp mới...

- Mục tiêu về doanh thu, khả năng chiếm lĩnh thị trường sản phẩm trong và ngoài nước (khả năng thay thế nhập khẩu, tăng cường xuất khẩu...)

- Mục tiêu giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế làm lợi do phát triển sản phẩm đem lại...

---

[1] *Thuyết minh trình bày không quá 50 trang giấy khổ A4*

- Mục tiêu về khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp được đầu tư sản xuất...

- Mục tiêu về việc làm, thu nhập cho người lao động...

- Các mục tiêu khác....

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN KHUNG

1. Nội dung nghiên cứu và phát triển sản phẩm quốc gia: (*nêu các nội dung nghiên cứu và phát triển công nghệ chủ yếu phục vụ phát triển các sản phẩm quốc gia)*

- Nội dung 1.....

- Nội dung 2.....

- Nội dung.....

2. Nội dung hoàn thiện công nghệ, đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia: *(nêu các nội dung nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm, hình thành các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia)*

- Nội dung 1.....

- Nội dung 2.....

- Nội dung.....

3. Nội dung thương mại hóa sản phẩm và phát triển thị trường các sản phẩm quốc gia: *(nêu các nội dung về tổ chức xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại, mở rộng và phát triển các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia)*

- Nội dung 1.....

- Nội dung 2.....

- Nội dung.....

4. Nội dung hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển công nghệ: *(hoàn thiện nâng cao năng lực cơ sở thí nghiệm, đo lường....)*

5. Các nội dung khác: *(sơ kết, tổng kết việc thực hiện đề án khung...)*

Các nội dung trên phải được cụ thể hóa về mức độ, khối lượng công việc, kết quả đạt được; trách nhiệm thực hiện của tổ chức, cá nhân; tiến độ và dự kiến kinh phí thực hiện.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp hỗ trợ nghiên cứu: *((i) hỗ trợ cho: hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản xuất thử nghiệm, xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng và xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm quốc gia; (ii) hỗ trợ, mua quyền sở hữu công nghệ và tìm kiếm, giải mã bí quyết công nghệ; (iii) thuê chuyên gia, tư vấn nước ngoài, (iv) chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước...).*

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực: *(về sử dụng và xây dựng đội ngũ cán bộ, nguồn nhân lực KH&CN và cán bộ quản lý; xây dựng và phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản xuất thử nghiệm và phát triển sản xuất các sản phẩm quốc gia).*

3. Giải pháp về huy động kinh phí: *(theo quy định tại khoản 1 mục III Điều 1 Quyết định số 157/QĐ-TTg)*

4. Giải pháp về vốn và ưu đãi thuế: *(nêu các đề xuất về nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách của Nhà nước; vốn vay ưu đãi trong nước và vốn vay từ nước ngoài hoặc từ các tổ chức tài chính quốc tế; các đề xuất ưu đãi về thuế)*

5. Giải pháp về sử dụng đất: (*nêu các đề xuất ưu đãi về giao, thuê quyền sử dụng đất...)*

6. Giải pháp hỗ trợ về xúc tiến thương mại và phát triển thị trường: *(nêu các đề xuất về xúc tiến thương mại ở thị trường trong nước, nước ngoài; xác lập quyền, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối sản phẩm quốc gia...)*

7. Các giải pháp khác: *(nếu có)*

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN KHUNG: *(nêu cụ thể phương án tổ chức thực hiện đề án khung phát triển các sản phẩm quốc gia)*

VI. KẾT QUẢ VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN KHUNG

1. Kết quả: *(về sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, về công nghệ, quy mô tạo ra, các doanh nghiệp mới hình thành, khả năng chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước, tạo ngành nghệ mới...)*

2. Hiệu quả tác động:

2.1. Hiệu quả về khoa học về công nghệ: *(nêu tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh, khả năng công nhận, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...)*

2.2. Hiệu quả về kinh tế: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do dự án đem lại gồm: làm lợi do thay thế nhập khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hoá, thuê chuyên gia... so với hiện tại, dự kiến tỷ suất lợi nhuận, tổng doanh thu của sản phẩm...)*

2.3. Hiệu quả về xã hội: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do đề án khung đem lại gồm tạo lập được doanh nghiệp, vùng nguyên liệu tập trung, khu chế biến, việc làm, phát huy được lợi thế tài nguyên,...)*

2.4. Hiệu quả về bảo vệ môi trường: *(phân tích tác động chính của sản phẩm đối với môi trường, phát triển bền vững...)*

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG (ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM) ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA: *(các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo tính kế thừa, liên kết với nhau tạo ra hàng hóa từ sản phẩm quốc gia)*

1. Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung chính	Sản phẩm và các chỉ tiêu KT - KT chính	Thời gian dự kiến thực hiện		Ghi chú
					Năm bắt đầu	Năm kết thúc	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
I.	**Đề tài**						
1							
2							
...							
II.	**Dự án SXTN**						
1							
2							
...							

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia

STT	Tên nhiệm vụ	Tổ chức đề xuất	Dự kiến kinh phí thực hiện *(triệu đồng)*			Ghi chú
			Tổng kinh phí	NSNN	Nguồn khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
I	**Đề tài**					
1						
2						
...						
II	**Dự án SXTN**					
1						
2						
...						
	Tổng cộng					

....., ngày tháng năm 20....

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu A4-ĐAK-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

ĐỀ ÁN KHUNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Sản phẩm: *"Theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt"*

2. Thuộc Chương trình: Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN KHUNG

1. Mục tiêu tổng quát: *(về khoa học và công nghệ, về kinh tế, xã hội, môi trường cần đạt của đề án; triển vọng phát triển và đóng góp cho nền kinh tế....)*

2. Mục tiêu cụ thể: *(nêu rõ các chỉ tiêu cần đạt của đề án về khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội và môi trường)*

2.1. Mục tiêu về khoa học và công nghệ:

2.2. Mục tiêu về kinh tế xã hội và môi trường:

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nghiên cứu và phát triển công nghệ: *(nêu các nội dung về nghiên cứu và phát triển công nghệ chủ yếu để phát triển sản phẩm quốc gia thành hàng hóa)*

.....

2. Hoàn thiện công nghệ, đầu tư sản xuất và thương mại hóa sản phẩm: *(nêu các nội dung nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm, tổ chức xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại, hình thành, mở rộng và phát triển các doanh nghiệp sản xuất)*

....

3. Hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển và hoàn thiện công nghệ: *(hoàn thiện nâng cao năng lực cơ sở thí nghiệm, đo lường....)*

....

4. Đào tạo nguồn nhân lực:

...

IV. SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Về quy trình công nghệ:

2. Về hệ thống thiết bị và sản phẩm hàng hóa:

3. Về công bố, đào tạo và sở hữu trí tuệ:

4. Các sản phẩm khác: *(nếu có)*

V. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện	Ghi chú
I	**Đề tài**					
1						
2						
...						
II	**Dự án SXTN**					
1						
2						
...						

....., ngày tháng năm 20....

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu A5-PNXĐG-ĐAK-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT DUYỆT ĐỀ ÁN KHUNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...*

PHIẾU NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ
ĐỀ ÁN KHUNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

Ủy viên phản biện	
Ủy viên	

1. Tên sản phẩm:

(Ghi tên sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)

2. Học hàm, học vị, họ và tên thành viên Hội đồng:

3. Các nội dung đánh giá: *(nêu ý kiến nhận xét và đánh giá về mức độ đầy đủ, phù hợp, rõ ràng của các nội dung của đề án khung đồng thời chỉ ra các nội dung cụ thể cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện)*

STT	Nội dung nhận xét/đánh giá
1	Về mức độ đầy đủ, phù hợp của Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia
2	Về tính cấp thiết phát triển sản phẩm quốc gia theo quy định tại khoản 1 Mục II Điều 1 của Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ
3	Về mục tiêu của sản phẩm quốc gia
	a) Mục tiêu về khoa học và công nghệ

STT	Nội dung nhận xét/đánh giá
	b) Mục tiêu kinh tế - xã hội
4	Về nội dung thực hiện chủ yếu
	a) Nội dung trọng tâm
	b) Tiến độ, thời gian thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ
5	Về sản phẩm hàng hóa cuối cùng
6	Về hiệu quả phát triển sản phẩm quốc gia
	a) Hiệu quả về khoa học và công nghệ
	b) Hiệu quả về kinh tế
	c) Hiệu quả về xã hội
	d) Hiệu quả về bảo vệ môi trường
7	Về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
	a) Tổng kinh phí thực hiện của nhiệm vụ khoa học và công nghệ
	b) Phương án huy động các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

4. Khuyến nghị về những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung:

.....

.....

.....

5. Kết luận đánh giá: *(chỉ chọn và đánh dấu "X" vào 1 trong 3 phương án dưới đây)*

- Đáp ứng yêu cầu: ☐
- Đáp ứng yêu cầu với các chỉnh sửa, bổ sung nêu trên: ☐
- Không đáp ứng yêu cầu: ☐

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A6-PNX-NV-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT DUYỆT ĐỀ ÁN KHUNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...*

PHIẾU NHẬN XÉT
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG
(mỗi phiếu cho một nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia)

Ủy viên phản biện	
Ủy viên	

Họ và tên ủy viên Hội đồng:.....

Tên đề tài/dự án SXTN:

.....

I. NHẬN XÉT VỀ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN (đánh dấu X vào ô lựa chọn)

1.1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài/dự án

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ hoặc Không đạt yêu cầu ☐

1.2. Tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra đối với phát triển sản phẩm quốc gia

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ hoặc Không đạt yêu cầu ☐

1.3. Khả năng không trùng lắp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ hoặc Không đạt yêu cầu ☐

1.4. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề tài, dự án

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ hoặc Không đạt yêu cầu ☐

1.5. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện (chỉ áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm)

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ hoặc Không đạt yêu cầu ☐

Kiến nghị của ủy viên Hội đồng

☐ Đề nghị không thực hiện

☐ Đề nghị thực hiện

☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

Dự kiến tên đề tài/dự án:

.....

.....

.....

Định hướng mục tiêu:

.....

.....

.....

Yêu cầu đối với kết quả:

.....

.....

.....

.....

Lưu ý:

Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: Các yêu cầu về tính mới, yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoan tạo sản phẩm mẫu

Đối với Dự án sản xuất thử nghiệm: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của các sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A7-PĐG-NV-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT DUYỆT ĐỀ ÁN KHUNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG
(mỗi phiếu cho một nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia)

Tên đề xuất:

.....

Đánh giá của ủy viên Hội đồng (đánh đấu X vào ô lựa chọn)

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài/dự án sản xuất thử nghiệm

Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

2. Tầm quan trọng của vấn đề khoa học đặt ra đối với phát triển sản phẩm quốc gia

Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

3. Khả năng không trùng lắp của đề tài, dự án với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện

Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

4. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực quốc gia cho việc thực hiện đề tài, dự án

Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

5. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện *(chỉ áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm)*

Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

Kết luận chung

Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A8-QĐ-ĐAK-DMNV-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án khung và Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung đối với sản phẩm quốc gia "....." thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ....

Căn cứ...

Theo đề nghị.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia đối với sản phẩm "..." và Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung (*Chi tiết trong Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

Điều 2.....

Điều 3...../.

Nơi nhận:
-...

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục

ĐỀ ÁN KHUNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-BKHCN ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Sản phẩm:

2. Thuộc Chương trình: Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN KHUNG

1. Mục tiêu tổng quát: *(về khoa học và công nghệ, về kinh tế, xã hội, môi trường cần đạt của đề án; triển vọng phát triển và đóng góp cho nền kinh tế....)*

2. Mục tiêu cụ thể: *(nêu rõ các chỉ tiêu cần đạt của đề án về khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội và môi trường)*

2.1. Mục tiêu về khoa học và công nghệ

2.2. Mục tiêu về kinh tế xã hội và môi trường

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nghiên cứu và phát triển công nghệ: *(nêu các nội dung về nghiên cứu và phát triển công nghệ chủ yếu để phát triển sản phẩm quốc gia thành hàng hóa)*

.....

2. Hoàn thiện công nghệ, đầu tư sản xuất và thương mại hóa sản phẩm: *(nêu các nội dung nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm, tổ chức xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại, hình thành, mở rộng và phát triển các doanh nghiệp sản xuất)*

....

3. Hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển và hoàn thiện công nghệ: *(hoàn thiện nâng cao năng lực cơ sở thí nghiệm, đo lường....)*

....

4. Đào tạo nguồn nhân lực:

...

IV. SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Về quy trình công nghệ:

2. Về hệ thống thiết bị và sản phẩm hàng hóa:

3. Về công bố, đào tạo và sở hữu trí tuệ:

4. Các sản phẩm khác: *(nếu có)*

V. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện	Ghi chú
I	**Đề tài**					
1						
2						
...						
II	**Dự án SXTN**					
1						
2						
...						

Mẫu A9-BBKP-ĐAK-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT DUYỆT ĐỀ ÁN KHUNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN KHUNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA

1. Tên sản phẩm:

2. Quyết định thành lập Hội đồng: số...../QĐ-BKHCN ngày.... /.../20... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

3. Tổng số thành viên Hội đồng tham dự:.../...

Số thành viên vắng mặt:...., gồm:.....

4. Kết quả kiểm phiếu:

- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

Kết quả:

STT	Thành viên hội đồng	Đáp ứng yêu cầu		Không đáp ứng yêu cầu
		Không cần chỉnh sửa, bổ sung	Cần chỉnh sửa, bổ sung	
1	...			
2	...			
...				
	Tổng số			

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU	ỦY VIÊN THỨ NHẤT	ỦY VIÊN THỨ HAI
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*	*(Họ, tên và chữ ký)*

Lưu ý: Đề án khung được thông qua khi có trên 3/4 tổng số thành viên hội đồng có mặt bỏ phiếu đánh dấu vào ô đáp ứng yêu cầu

Mẫu A10-BBKP-NV-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT DUYỆT ĐỀ ÁN KHUNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG

1. Tên sản phẩm quốc gia:
2. Quyết định thành lập Hội đồng số:...../QĐ-BKHCN ngày.... /..../20.... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
3. Tổng số thành viên Hội đồng tham dự:.../...
Số thành viên vắng mặt:...., gồm:.....
4. Kết quả kiểm phiếu:
- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:
- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

TT	*Tên nhiệm vụ*	*Thành viên Hội đồng (*)*											*Số phiếu đề nghị thực hiện/Tổng số phiếu*	*Kết luận (**)*
		Thành viên 1	Thành viên 2	Thành viên 3	Thành viên 4	Thành viên 5	Thành viên 6	Thành viên 7	Thành viên 8	Thành viên 9	...	...		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Đề tài**													
1													../...	Đạt/Không đạt
2													../...	Đạt/Không đạt
...													../...	Đạt/Không đạt

TT	Tên nhiệm vụ	Thành viên Hội đồng (*)											Số phiếu đề nghị thực hiện/Tổng số phiếu	Kết luận (**)
		Thành viên 1	Thành viên 2	Thành viên 3	Thành viên 4	Thành viên 5	Thành viên 6	Thành viên 7	Thành viên 8	Thành viên 9	...	...		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
II	**Dự án SXTN**													
1													../...	Đạt/Không đạt
2													../...	Đạt/Không đạt
...													../...	Đạt/Không đạt

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU
(Họ, tên và chữ ký)

ỦY VIÊN THỨ NHẤT
(Họ, tên và chữ ký)

ỦY VIÊN THỨ HAI
(Họ, tên và chữ ký)

(*): Đánh dấu "X" vào nhiệm vụ đề nghị thực hiện, đánh dấu "0" vào nhiệm vụ đề nghị không thực hiện.

(**) Ghi "Đạt" vào ô tương ứng của cột này cho những nhiệm vụ được trên 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá "Đề nghị thực hiện".

Mẫu A11-BBHĐ-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT DUYỆT ĐỀ ÁN KHUNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...*

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
XÉT DUYỆT ĐỀ ÁN KHUNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG

A. Những thông tin chung

1. Tên sản phẩm: (*Ghi tên sản phẩm quốc gia theo Quyết định phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia của Thủ tướng Chính phủ)*

2. Quyết định thành lập Hội đồng số:...../QĐ-BKHCN ngày.... /..../20.. của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:....., ngày... /..../20...

b) Thành phần họp:

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:...../.....

Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:.....

.....

- Đại biểu tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Cơ quan, đơn vị công tác

B. Nội dung làm việc của Hội đồng:

1. Công bố quyết định thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc và cử ông/bà..... làm thư ký khoa học của Hội đồng.

3. Xét duyệt Đề án khung và xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung:

- Hội đồng nghe các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng trình bày nhận xét và đánh giá về Đề án khung và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung. Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét của các thành viên vắng mặt (nếu có).

- Hội đồng thảo luận, phân tích tính phù hợp về tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu, sản phẩm dự kiến, tính khả thi, hiệu quả của Đề án khung phát triển sản phẩm quốc gia.

- Hội đồng thảo luận, phân tích tính phù hợp về tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu, sản phẩm dự kiến, tính khả thi, hiệu quả của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

- Hội đồng bỏ phiếu nhận xét và đánh giá Đề án khung, phiếu đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

- Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên:

+ Trưởng ban:.....

+ Ủy viên 1:.....

+ Ủy viên 2:.....

- Kết quả kiểm phiếu được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu nhận xét và đánh giá Đề án khung và Biên bản kiểm phiếu đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung kèm theo.

- Trên cơ sở kết quả kiểm phiếu Hội đồng nhất trí:

+ Đối với Đề án khung: - Đồng ý thông qua: ☐

- Không đồng ý thông qua: ☐

+ Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung: Đồng ý thực hiện..... nhiệm vụ.

4. Hoàn thiện nội dung Đề án khung và danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung được Hội đồng nhất trí thông qua và đề nghị thực hiện.

- Các ủy viên phản biện trình bày dự thảo nội dung đặt hàng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung được phân công.

- Hội đồng thảo luận, góp ý, hoàn thiện Đề án khung và danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

- Hội đồng thống nhất kiến nghị về phương thức thực hiện cho từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung.

- Hội đồng thông qua nội dung Đề án khung và danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia thuộc Đề án khung theo Mẫu A12-ĐAK-HĐ-SPQG.

5. Hội đồng thông qua Biên bản họp Hội đồng.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Phụ lục

Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VÀ ĐẠI BIỂU (NẾU CÓ)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

THƯ KÝ KHOA HỌC

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu A12-ĐAX-HĐ-SPQG
04/2024/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT DUYỆT ĐỀ ÁN KHUNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...*

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÉT DUYỆT ĐỀ ÁN KHUNG VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Sản phẩm:...

2. Thuộc Chương trình: Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN KHUNG

1. Mục tiêu tổng quát: *(về khoa học và công nghệ, về kinh tế, xã hội, môi trường cần đạt của đề án; triển vọng phát triển và đóng góp cho nền kinh tế....)*

2. Mục tiêu cụ thể: *(nêu rõ các chỉ tiêu cần đạt của đề án về khoa học và công nghệ, kinh tế xã hội và môi trường)*

2.1. Mục tiêu về khoa học và công nghệ:

2.2. Mục tiêu kinh tế xã hội và môi trường:

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nghiên cứu và phát triển công nghệ: *(nêu các nội dung về nghiên cứu và phát triển công nghệ chủ yếu để phát triển sản phẩm quốc gia thành hàng hóa)*

.....

2. Hoàn thiện công nghệ, đầu tư sản xuất và thương mại hóa sản phẩm: *(nêu các nội dung nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm, tổ chức xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại, hình thành, mở rộng và phát triển các doanh nghiệp sản xuất)*

....

3. Hỗ trợ đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển và hoàn thiện công nghệ: *(hoàn thiện nâng cao năng lực cơ sở thí nghiệm, đo lường....)*

....

4. Đào tạo nguồn nhân lực:

...

IV. SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Về quy trình công nghệ:

2. Về hệ thống thiết bị và sản phẩm hàng hóa:

3. Về công bố, đào tạo và sở hữu trí tuệ:

4. Các sản phẩm khác: *(nếu có)*

V. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA THUỘC ĐỀ ÁN KHUNG KIẾN NGHỊ ĐẶT HÀNG

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện	Ghi chú
I	**Đề tài**					
1						
2						
...						
II	**Dự án SXTN**					
1						
2						
...						

THƯ KÝ KHOA HỌC	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*